

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017 và giải pháp thực hiện năm 2018

Căn cứ theo quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH11 ngày 26/11/2013, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo Bộ Tài chính về tình hình, kết quả thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2017 và một số nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện năm 2018:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP

- Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương tiếp tục đẩy mạnh phổ biến, quán triệt: Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh THTK, CLP; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (Khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội; Quyết định số 398/QĐ-TTg ngày 31/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017... từ đó, có tác dụng nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, ngăn chặn hành vi lãng phí.

- Thường xuyên tổ chức các đợt học tập, quán triệt các Nghị quyết của Đảng, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về THTK, CLP cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các sở, ban, ngành, mặt trận, hội, đoàn thể, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Đẩy mạnh thực hiện các Luật: Xây dựng, Đấu thầu, Đất đai, Thanh tra, Trách nhiệm bồi thường của nhà nước, Xử lý vi phạm hành chính, Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Phòng, chống tham nhũng. Đồng thời, phổ biến các Luật mới như:

Ngân sách nhà nước 2015, Luật Phí, lệ phí 2015; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công... để đưa các chính sách, pháp luật của nhà nước vào trong hoạt động của mỗi cơ quan, đơn vị và đời sống của người dân, nhằm tạo thói quen tiết kiệm trong từng hoạt động, xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân.

- Bên cạnh việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về THTK, CLP, các cơ quan Đảng, mặt trận, hội, đoàn thể và chính quyền địa phương các cấp đã kịp thời có nhiều hình thức nêu gương, khen thưởng các cá nhân, tổ chức, đơn vị có thành tích tốt trong hoạt động THTK, CLP; đồng thời, phê bình cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm, gây lãng phí.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP

Triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 12/01/2017, trong đó, ngoài những giải pháp chỉ đạo, điều hành các mặt kinh tế - xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh còn chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có vốn nhà nước triệt để tiết kiệm chi ngân sách, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi hành chính và các lĩnh vực khác.

Nhằm cụ thể hóa chỉ đạo điều hành đầu năm về công tác THTK, CLP, ngày 29/5/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1874/QĐ-UBND về Chương trình THTK, CLP năm 2017 trên địa bàn tỉnh với những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để thực hiện Chương trình như: thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương); phấn đấu tiết kiệm 10% tổng mức đầu tư dự án; tinh giản 1,5% so với số biên chế được giao...

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 19/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 02/6/2017 về tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2017, trong đó, yêu cầu thực hiện một số nội dung cụ thể như: điều hành ngân sách chặt chẽ, chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn vốn đảm bảo; điều hành chi trong phạm vi dự toán được giao, lồng ghép các chính sách tiết kiệm triệt để các khoản chi ngay từ khâu phân bổ dự toán và cả trong quá trình thực hiện; hạn chế mua sắm ô tô công và trang thiết bị đắt tiền; cắt giảm dự toán đối với những nhiệm vụ chi thường xuyên đã có trong dự toán nhưng đến ngày 30/6/2017 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện; tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giao kế hoạch vốn và tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát lãng



phí, tham nhũng trong đầu tư xây dựng, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới...

Bên cạnh đó, căn cứ vào Chương trình THPTK, CLP năm 2017 của tỉnh, các cơ quan, đơn vị đã xây dựng và ban hành kế hoạch THPTK, CLP của cơ quan, đơn vị mình để làm căn cứ thực hiện và đánh giá vào cuối năm.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THPTK, CLP

Trong năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh và lãnh đạo các ngành, địa phương đã chỉ đạo tiến hành 91 cuộc thanh tra hành chính tại 151 cơ quan, đơn vị, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như: quản lý, thực hiện dự án xây dựng cơ bản; quản lý tài chính, ngân sách; quản lý, sử dụng đất đai; thực hiện chính sách bảo đảm an sinh xã hội và các vấn đề khác. Đến nay, đã kết thúc 74 cuộc, ban hành kết luận, xử lý kết quả thanh tra 67 cuộc; phát hiện 56 đơn vị có vi phạm, sai phạm, trong đó sai phạm về kinh tế 12.629 triệu đồng và 1.540.896 m² đất các loại; xử lý thu hồi về cho Nhà nước 5.677 triệu đồng và 15.242 m² đất các loại; kiến nghị xử lý hình thức khác (*ghi thu, ghi chi, giảm trừ thanh quyết toán, rút kinh nghiệm...*) 6.952 triệu đồng và 1.525.654 m² đất các loại; kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm, xử lý hành chính đối với 21 tập thể và 56 cá nhân có khuyết điểm, sai phạm.

Riêng trong lĩnh vực quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản và quản lý tài chính - ngân sách, các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiến hành 42 cuộc thanh tra tại 71 đơn vị; kết thúc 34 cuộc, ban hành Kết luận thanh tra 29 cuộc, phát hiện 22 đơn vị có vi phạm, sai phạm, trong đó sai phạm về kinh tế 6.020 triệu đồng và 119.423 m² đất các loại; xử lý thu hồi về cho Nhà nước 2.657 triệu đồng và 3.072 m² đất các loại, xử lý khác 3.363 triệu đồng và 116.351 m² đất các loại; kiến nghị kiểm điểm, xử lý hành chính 05 tập thể và 31 cá nhân; chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra 04 vụ. Đến nay đã thu hồi về cho Nhà nước 1.982 triệu đồng và 3.072 m² đất các loại; các cơ quan chức năng đã tổ chức kiểm điểm, xử lý hành chính 03 tập thể và 15 cá nhân.

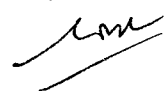
Các cuộc thanh tra được thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Qua thanh tra đã phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật nhiều vụ việc vi phạm, kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong việc tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật tại các cơ quan, đơn vị được thanh tra, góp phần tăng cường kỷ cương, pháp luật, chủ động phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội được thanh tra. Việc xử lý sau thanh tra tiếp tục được quan tâm thực hiện và có chuyển biến tích cực, tỷ lệ xử lý thu hồi về kinh tế đạt khá cao.

II. Tình hình, kết quả THPTK, CLP năm 2017

1. Kết quả thực hiện

a) THPTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Trong năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền 15 văn bản chỉ đạo điều hành và 40 văn bản quy phạm pháp luật quy định mới, bãi bỏ, sửa



đôi, bổ sung chế độ, chính sách, định mức trong từng ngành, lĩnh vực liên quan đến việc THPT, CLP tạo cơ sở cho việc thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả triển khai chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí của Nhà nước.

Các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được dự thảo và lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và ban hành đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiết kiệm ngay từ khâu xây dựng và hiệu quả khi áp dụng.

Ngoài ra, qua kiểm tra, đánh giá tình hình quản lý tài chính thì hầu hết các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đều tuân thủ đúng các quy định về tiêu thức, nguyên tắc phân bổ và quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng tiêu chuẩn, định mức đã được ban hành.

b) Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý, thực hiện các biện pháp điều hành về tài chính - ngân sách.

Với chủ trương tiết kiệm của Trung ương, ngay từ khâu giao dự toán đầu năm, địa phương đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo dự toán giao đầu năm là 99.620 triệu đồng, trong đó: khối tỉnh 55.182 triệu đồng, khối huyện 44.438 triệu đồng.

Đồng thời, ngay từ đầu năm, Sở Tài chính đã có văn bản (Công văn số 4958/STC-QLNS ngày 30/12/2016) hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách năm 2017, trong đó, hướng dẫn việc phân bổ và giao dự toán ngân sách cho từng sự nghiệp, mục tiêu như: giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ, môi trường..., chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách đúng đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, trên tinh thần tiết kiệm nhưng cũng tạo sự chủ động trong quản lý, điều hành hoạt động cho các cơ quan, đơn vị và địa phương. Kết quả, số tiết kiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước là 81.227 triệu đồng, trong đó, tiết kiệm chi quản lý hành chính là 29.147 triệu đồng, tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại 10.670 triệu đồng, kinh phí tiết kiệm được do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ tài chính năm 2017 theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ (nay là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) là 41.409 triệu đồng.



Bên cạnh đó, thực hiện Công văn số 4494/BTC-HCSN ngày 04/4/2017 của Bộ Tài chính về việc thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên NSNN năm 2017 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ, ngoài việc quản lý ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm thì đã thực hiện hủy dự toán và bổ sung dự phòng ngân sách địa phương 2.788 triệu đồng đối với kinh phí chi thường xuyên đã giao trong dự toán đầu năm của các cơ quan và địa phương nhưng đến ngày 30/6/2017 chưa phân bổ, hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện, chưa phê duyệt dự toán, chưa tổ chức đấu thầu.

Ngoài ra, thực hiện theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 1645/UBND-TH ngày 11/4/2017 chỉ đạo công tác quản lý đối với 13 quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh¹; 100% các Quỹ này được thành lập, hoạt động và sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

Nhìn chung, năm 2017 công tác quản lý, sử dụng ngân nhà nước tại các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện nghiêm túc theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước ở tất cả các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán ngân sách nhà nước. Việc phân bổ dự toán, sử dụng ngân sách hàng năm chấp hành đúng các định mức, tiêu chuẩn, chế độ Nhà nước quy định.

c) Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

- Về việc mua sắm tài sản:

Việc mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, Công văn số 2676/BTC-QLCS ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 và nâng cao hiệu quả khai thác nguồn lực tài chính trong việc quản lý, sử dụng tài sản công. Trên cơ sở đó, để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 1698/UBND-TH ngày 13/4/2017, trong đó, khuyến khích các cơ quan, tổ chức, đơn vị áp dụng cơ chế khoán kinh phí sử dụng xe ô tô hoặc thuê xe ô tô để phục vụ công tác và việc mua mới xe ô tô chỉ được thực hiện khi đảm bảo các điều kiện theo quy định.

Năm 2017 tiếp tục thực hiện Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức mua sắm tập trung, trong quá trình thực hiện mặc dù gặp nhiều khó

¹ Các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh, Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Bảo trợ trẻ em, Quỹ Xóa đói giảm nghèo, Quỹ Việc làm cho người tàn tật, Quỹ Bảo trì đường bộ, Quỹ Bảo vệ phát triển rừng, Quỹ Phòng chống thiên tai, Quỹ Phát triển khoa học công nghệ, Quỹ Hỗ trợ nông dân, Quỹ Khuyến học, Quỹ Bảo vệ môi trường.



khẩn, vướng mắc nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh luôn theo dõi và có những chỉ đạo kịp thời nhằm giải quyết các khó khăn vướng mắc đó, cụ thể, ngày 13/4/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh có Thông báo số 60/TB-UBND chỉ đạo giải quyết một số vướng mắc trong công tác mua sắm tập trung đối với ngành giáo dục – đào tạo và ngành y tế. Kết quả trong năm 2017, đã tổ chức mua sắm tập trung đối với 29 gói thầu, với tổng kinh phí dự toán là 65.480 triệu đồng, kinh phí trúng thầu là 61.160 triệu đồng, tiết kiệm 4.320 triệu đồng so với dự toán được duyệt.

- Về việc trang bị và sử dụng tài sản:

Việc trang bị phương tiện đi lại và phương tiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan khối Đảng, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, để cụ thể hóa và phù hợp với tình hình trên địa bàn, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị tại các phòng phục vụ hoạt động chung trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định, Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định, Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng, trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhằm triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 25/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, các cơ quan, đơn vị thực hiện kê khai, đăng nhập thông tin về tài sản công đầy đủ, kịp thời vào cơ sở dữ liệu quốc gia. Theo đó, các cơ quan, đơn vị được giao xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản công chuyên ngành có trách nhiệm bảo đảm kết nối được với thông tin về tài sản công.

Các phương tiện đi lại và thiết bị làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực nhà nước được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác chuyên môn; không sử dụng vào mục đích cá nhân; được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và kiểm kê vào thời điểm cuối năm dựa trên Quy chế sử dụng tài sản công được các cơ quan, đơn vị xây dựng hàng năm.

d) Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

- Về đầu tư xây dựng:



Qua rà soát, tại thời điểm 31/12/2016, toàn tỉnh có 421 dự án chưa quyết toán với tổng số tiền đã thanh toán 195.754 triệu đồng (trong đó, cấp tỉnh là 03 dự án với tổng số tiền đã thanh toán 61.245 triệu đồng, cấp huyện là 171 dự án với tổng số tiền đã thanh toán 80.120 triệu đồng, cấp xã là 247 dự án với tổng số tiền đã thanh toán 54.389 triệu đồng). Trước tình hình trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều chỉ đạo tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước. Kết quả, đến nay trên địa bàn toàn tỉnh Bình Định đã hoàn thành xử lý dứt điểm 1.622 dự án, công trình tồn đọng từ năm 2005 đến năm 2014 theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Qua đó cho thấy, công tác quyết toán các dự án hoàn thành đã có những bước chuyển biến tích cực và ngày càng đi vào nề nếp.

Bên cạnh đó, nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân và sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đã giao đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 4456/UBND-TH ngày 22/8/2017 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, trong đó, yêu cầu các ngành chức năng và các chủ đầu tư thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công; các chủ đầu tư trong việc giải ngân kế hoạch vốn, hoàn thiện các thủ tục đầu tư, rà soát bổ sung vốn nước ngoài, điều chuyển kế hoạch vốn, công tác cập nhật thông tin lên hệ thống... Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công, đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Kết quả thực hiện tiết kiệm trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước là 82.644 triệu đồng, bao gồm: công tác thẩm định, phê duyệt dự toán 62.020 triệu đồng; thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh 7.667 triệu đồng; thực hiện đầu tư, thi công 8.454 triệu đồng; thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 4.614 triệu đồng (Sở Tài chính đã thực hiện thẩm tra, phê duyệt hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán 203 dự án, công trình trên địa bàn tỉnh với tổng giá trị là hơn 1.236.996 triệu đồng, giảm 4.614 triệu đồng, tương ứng tiết kiệm 0,37% so với số đề nghị của Chủ đầu tư và tổng mức đầu tư).

- Về quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đăng ký vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước; yêu cầu cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản đối với các trường hợp có biến động về nguyên giá, điều chuyển, thanh lý...; kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước.



Tiếp tục việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 25/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả trong năm 2017, các cơ quan Trung ương tại địa phương đã thống nhất chuyển giao một số cơ sở nhà, đất cho địa phương quản lý như: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn, Bảo hiểm xã hội huyện Hoài Nhơn. Đồng thời, qua rà soát, đã xác lập sở hữu toàn dân đối với 01 ngôi nhà; tiếp nhận và quản lý 06 ngôi nhà; xác định giá bán cho 06 ngôi nhà; kiểm định và xử lý đối với 05 nhà chung cư cũ xuống cấp...

Các trụ sở làm việc, nhà công vụ trên địa bàn tỉnh được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả; định kỳ thực hiện bảo trì, bảo dưỡng nhằm duy trì công năng sử dụng của tài sản. Các công trình phúc lợi công cộng được đầu tư xây dựng đồng bộ, đáp ứng nhu cầu giải trí, văn hóa cho người dân trên địa bàn tỉnh.

đ) Trong quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

Về quản lý, khai thác, sử dụng đất đai: Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ngành có liên quan thường xuyên rà soát, điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên, Bảng giá các loại đất, Hệ số điều chỉnh giá đất, quy hoạch kế hoạch sử dụng đất... cho phù hợp với thực tế, tránh tình trạng giá thấp gây thất thoát, lãng phí giá trị các nguồn tài nguyên của địa phương.

Trong năm 2017, đã thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất một số khu đất lớn trên địa bàn tỉnh như: Khu quy hoạch dân cư dọc đường Hoa Lư nổi dài, Khu dân cư mặt bằng Công ty 508 phường Bùi Thị Xuân, Khu quy hoạch dân cư thuộc khu đất Trung đoàn vận tải 655, Khu C Khu đô thị thương mại Bắc sông Hà Thanh... với tổng số tiền thu nộp ngân sách nhà nước khoảng 2.236.000 triệu đồng, vượt gấp 2 lần kế hoạch năm; thực hiện thẩm định và cho thuê đất thu tiền đối với các dự án lớn trên địa bàn tỉnh như: Công ty cổ phần Xây dựng Faros, Công ty cổ phần Du lịch Hoàng Anh Đất Xanh Quy Nhơn, Công ty TNHH Đầu tư Du lịch và Dịch vụ Kim Cúc, Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng và Xây lắp thương mại BMC, Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định và một số doanh nghiệp khác, với tổng số thu khoảng 280.000 triệu đồng, vượt 55,5% kế hoạch.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 42/63 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động với tổng diện tích là 1.369,6 ha; trong đó, có 12/42 cụm công nghiệp với tổng diện tích 327,2 ha đã đầu tư cơ bản hạ tầng; có 12 cụm công nghiệp với tổng diện tích 242,4 ha đã bố trí cơ sở sản xuất lấp đầy diện tích quy hoạch; có 08 CCN với tổng diện tích 326,8 ha đã có cơ sở sản xuất thuê trên 50% diện tích đất công nghiệp; có 22 cụm công nghiệp với tổng diện tích 613,8 ha đã bố trí gần 50% đất công nghiệp; có 7/42 cụm công nghiệp đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải dùng chung. Tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê của 42 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động là 444,2 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy bình quân 56%. Đã thu hút được 378 cơ sở sản xuất đăng ký đầu tư với tổng vốn đăng ký 6.621 tỷ đồng, đã thực hiện 5.696 tỷ đồng

 8

(đạt 86%).

Trong quản lý, khai thác tài nguyên thiên nhiên: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo việc quản lý, khai thác tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh như: Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự án Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 – Bảo vệ tài nguyên nước mặt; Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 27/9/2017 tăng cường công tác quản lý và chấn chỉnh tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định; Công văn số 5905/UBND-TH ngày 31/10/2017 về công tác quản lý, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;... nhằm phát huy tiềm năng của tài nguyên thiên nhiên, tăng nguồn thu NSNN, đảm bảo tài nguyên thiên nhiên được sử dụng hiệu quả, tiết kiệm. Tăng cường công tác quy hoạch, thăm dò, phê duyệt trữ lượng, cấp phép khai thác và đóng cửa mỏ khoáng sản. Việc thăm dò khai thác phải gắn liền với chế biến sau khoáng sản tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, hạn chế tối đa xuất khẩu nguyên liệu thô, tăng thu cho ngân sách, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường làm tiêu chuẩn cơ bản hàng đầu để tham mưu cấp phép, yêu cầu áp dụng công nghệ khai thác tiên tiến, phù hợp với quy mô, đặc điểm từng mỏ, từng loại khoáng sản để thu hồi tối đa khoáng sản.

e) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Địa phương tiếp tục thực hiện đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ với tiêu chí đến năm 2021 thực hiện giảm 10% số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động so với số lượng biên chế được giao hiện tại nhằm góp phần làm cho bộ máy hành chính nhà nước được tinh gọn, tiết kiệm kinh phí chi hành chính và hoạt động của bộ máy nhà nước. Kết quả, trong năm 2017, toàn tỉnh đã thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ cho 93 đối tượng và nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ cho 12 đối tượng.

Tiếp tục thực hiện việc công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế “một cửa”, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước và triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh giai đoạn 2011-2020. Đến nay, hầu hết các cơ quan, đơn vị và 11/11 huyện, thị xã, thành phố đều áp dụng cơ chế 1 cửa, Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001-2008...

Nhằm tạo sự chuyển biến trong công tác cải cách hành chính, trong năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 ban hành quy chế quản lý và sử dụng hệ thống Văn phòng điện tử liên thông trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn Bình Định để triển khai thực hiện Văn phòng điện tử liên thông, đến nay đã có 26 đơn vị Sở, ban, ngành và 11 Ủy



ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện liên thông văn bản trên hệ thống văn phòng điện tử liên thông góp phần cải cách hành chính và tiết kiệm chi quản lý hành chính (chi phí vận chuyển, văn phòng phẩm...).

g) Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại các DN

Qua đánh giá, các doanh nghiệp có vốn nhà nước địa phương đã triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động về THTK, CLP của tỉnh đề ra; rà soát, sửa đổi, bổ sung các định mức về chi phí quản lý doanh nghiệp, định mức tiêu hao nguyên vật liệu; ứng dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh cho hàng xuất khẩu.

Đồng thời, qua báo cáo sơ bộ của các doanh nghiệp có vốn nhà nước, tuy tình hình kinh tế khó khăn, sức tiêu thụ của thị trường giảm, hàng hóa tiêu thụ chậm, giá thành sản xuất tăng cao (do chi phí đầu vào như nguyên, vật liệu, điện...) dẫn đến hiệu quả sản xuất giảm, nhưng các doanh nghiệp đã có sự nỗ lực lớn trong cắt giảm chi phí để tồn tại, vượt qua khó khăn, tạo đà phát triển và bảo toàn vốn của nhà nước.

Ngoài ra, qua rà soát trong năm 2017, có 05/05 doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn không có dấu hiệu mất an toàn tài chính và không có dự án đầu tư kém hiệu quả, không có khả năng phục hồi. Tính đến ngày 31/12/2017, có 04/11 doanh nghiệp có vốn nhà nước là Công ty đại chúng trên địa bàn tỉnh thuộc đối tượng phải đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán: Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định, Công ty cổ phần Dược – TTB y tế Bình Định, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, Tổng Công ty Pisico Bình Định – Công ty cổ phần. Qua đó, đánh giá được hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công chức và nhân dân thực hiện nếp sống văn minh nơi công sở, xây dựng cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa, nhất là thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Tổ chức cuộc thi viết tìm hiểu về Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” trên địa bàn tỉnh năm 2017; triển khai thực hiện các chương trình thuộc Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2017... Hướng ứng phong trào “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, các sở, ngành, địa phương luôn quan tâm đến việc sử dụng hàng hóa Việt Nam trong mua sắm công từ nguồn ngân sách nhà nước, bên cạnh đó tích cực tuyên truyền đến các tổ chức cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, đầu tư trang thiết bị nên sử dụng hàng hóa do Việt Nam sản xuất có chất lượng. Kết quả cho thấy việc sử dụng hàng Việt của các tổ chức, cá nhân trong tỉnh ngày một nhiều hơn và tạo thành ý thức lựa chọn ưu tiên dùng hàng Việt trong cộng đồng dân cư, các doanh nghiệp sản xuất trong tỉnh ngày càng nâng cao chất lượng, mẫu mã hàng hóa, cải tiến



nhiều hơn, giá thành cạnh tranh hơn, chú trọng đến công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chăm sóc khách hàng, góp phần thực hiện tiết kiệm trong tiêu dùng của người dân.

2. Đánh giá chung

- Các cấp chính quyền địa phương đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác THTK, CLP; một số cơ quan, đơn vị và địa phương đã kịp thời ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2017 để làm cơ sở thực hiện và đánh giá.

- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ trong quản lý tài chính để chủ động sử dụng kinh phí, biên chế; đồng thời, tăng cường công tác quản lý, sử dụng ngân sách chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, qua đó góp phần tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống cho cán bộ, công chức trong từng cơ quan, đơn vị.

- Việc triển khai văn phòng điện tử liên thông giúp việc theo dõi, quản lý, xử lý văn bản hiệu quả hơn và góp phần tiết kiệm chi quản lý hành chính.

- Các huyện, thị xã, thành phố đã đẩy nhanh công tác lập quy hoạch sử dụng đất, góp phần khắc phục tình trạng đất bị bỏ hoang và có kế hoạch sử dụng hiệu quả hơn đối với các khu đất trống, nhằm tạo nguồn thu để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

- Việc đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đã làm giảm tình trạng kéo dài thanh toán qua các năm (do giải ngân không hết phải chuyển sang năm sau) hoặc thanh toán trùng, vượt khối lượng cho các công trình, dự án do áp lực thanh toán vào cuối năm.

- Các doanh nghiệp nhà nước đã chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh ngay từ đầu năm, đưa ra các chỉ tiêu tiết kiệm; đồng thời, thực hiện đổi mới công nghệ làm tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản xuất, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm; nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; bảo toàn và tăng vốn chủ sở hữu doanh nghiệp.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

a) Tồn tại, hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc THTK, CLP vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định như:

- Chất lượng báo cáo chưa đảm bảo (có đơn vị chỉ gửi số liệu, không có đánh giá hoặc báo cáo chưa đánh giá đầy đủ các nội dung, lĩnh vực mà cơ quan, đơn vị quản lý), thời gian lập và gửi báo cáo còn chậm, gây ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, đánh giá.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa ban hành Kế hoạch tiết kiệm, chống lãng phí từ đầu năm hoặc có ban hành nhưng chưa xác định được các chỉ tiêu cụ thể để làm căn cứ thực hiện và đánh giá kết quả thi đua, khen thưởng vào cuối năm.

- Một số đơn vị chấp hành chưa tốt các quy định về định mức, chế độ, gây



lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách.

- Tình trạng lãng phí trong khai thác tài nguyên khoáng sản vẫn còn tồn tại.

b) Nguyên nhân

- Công tác THTK, CLP có lúc, có nơi còn hình thức; chống lãng phí chưa được xác định là khâu trọng tâm, then chốt để có giải pháp quyết liệt nên hiệu quả phòng, chống lãng phí chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Một số các quy định của Luật còn chung chung, mang tính hình thức, chưa đưa ra được các giải pháp THTK, CLP cụ thể. Một số chỉ tiêu tiết kiệm trong Chương trình tổng thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017 tại Quyết định số 398/QĐ-TTg ngày 31/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ chưa thật sự rõ ràng cũng là một phần nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế nêu trên.

- Hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật và tiêu chuẩn, chế độ trong việc sử dụng vốn và tài sản nhà nước vẫn còn chưa sát với thực tế dẫn đến ý thức chấp hành chưa nghiêm, gây lãng phí vốn và tài sản nhà nước trong nhiều lĩnh vực; quy định về chế tài, hình thức xử phạt đối với hành vi không tiết kiệm, gây lãng phí chưa cụ thể, nhất là tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

III. Nhiệm vụ chủ yếu, giải pháp thực hiện năm 2018

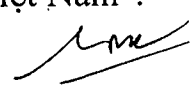
1. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ với cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; quán triệt và triển khai thực hiện đồng bộ Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đất đai, Luật Quản lý Thuế, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước... gắn với Luật Thanh tra, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Căn cứ Chương trình tổng thể của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018 và Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, cơ quan, đơn vị chủ động ban hành Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với các nội dung, chỉ tiêu cụ thể.

3. Thực hiện công khai về THTK, CLP theo quy định tại Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013. Đồng thời, thực hiện công khai trong việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, tài sản công; công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất...

4. Các doanh nghiệp có vốn nhà nước tiếp tục đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động, giảm giá thành sản xuất nhằm tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm.

5. Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Công văn số 05-CV/TU ngày 04/11/2015 về việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".



6. Tăng cường thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, đoàn thể quần chúng ở các cấp trong việc phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ giám sát thực hiện Chương trình hành động về THTK, CLP ở các ngành, các cấp.

7. Kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương đối với các định mức kinh tế, kỹ thuật và tiêu chuẩn, chế độ trong việc sử dụng vốn và tài sản nhà nước vẫn còn chưa sát với thực tế.

8. Tiếp tục triển khai việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Đồng thời, xây dựng kế hoạch sử dụng thời gian lao động, xử lý công việc khoa học, hợp lý, thực hiện cải cách hành chính, khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động bằng quy chế thưởng; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật lao động.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, K7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

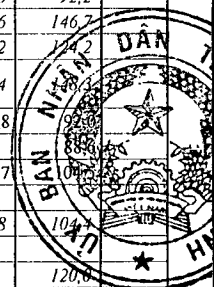
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Cao Thắng

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2017
(Kèm theo Báo cáo số **12** /BC-UBND ngày **27/02/2018** của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Nội dung	ĐVT	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	4	7=6/4	8=6/5	5
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	Văn bản	48		40	83,3		
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	26		5	19,2		
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	60		74	123,3		
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường	triệu đồng	18.269		12.629	69,1		
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ (10% tiết kiệm đầu năm)	triệu đồng	191.250	99.620	99.620	52,1	100,0	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		26.588	23.576	29.147	109,6	123,6	
	- Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	3.656	3.366	5.852	160,1	173,9	
	- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	1.762	1.787	1.954	110,9	109,3	
	- Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	4.259	3.819	3.537	83,0	92,6	
	- Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	1.634	1.282	1.085	66,4	84,7	
	- Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	483	1.147	1.062	219,7	92,6	
	- Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	3.789	3.396	3.130	82,6	92,2	
	- Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	1.043	1.583	2.322	222,6	146,7	
	- Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	3.650	1.944	2.414	66,2		
	- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	6.313	5.252	7.791	123,4		
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng	1.358	11.593	10.670	785,8		
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	-	9.076	8.040			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	1.358	2.517	2.630	193,7		
	- Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	-	-	-			
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	477	2.507	2.618	548,8		
	- Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	-	-	-			
+	- Các nội dung khác	triệu đồng	881	10	12		120,0	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	74.961	44.279	41.409	55,2	93,5	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	15	-	-			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	24	-	-			
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	-	-	-			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	-	-	-			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	-	-	-			
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	401		411			
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	28		43			
1.3	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	18		28			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	-					
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	-					
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được	triệu đồng	77.746	81.378	82.755	106,4	101,7	
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	57.687	60.871	62.020	107,5	101,9	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	5.946	7.237	7.667	128,9	105,9	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	7.550	8.378	8.454	112,0	100,9	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	6.563	4.892	4.614	70,3	94,3	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	-	-	-			
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ	dự án						
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						



STT	Nội dung	ĐVT	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	4	7=6/4	8=6/5	5
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²	1.941.523		1.943.174			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	3.071		1.337			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	1.420					
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	-	-				
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	-	-				
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²	-	-				
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²	-	-				
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	-	-				
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	-	-				
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	-	-				
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	-	-				
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	-	-				
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, cải cách hành chính trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	964	543	964	100,0	177,5	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng		-	31	110		359,0	
	- Tiết kiệm điện	Kw/h	11.980	10.400	13.700	114,4	131,7	
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)	2.681	1.790	6.941	258,9	387,8	
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	822	1.290	1.594	193,9	123,6	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	348	50	50		100,0	
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	1.000	-	1.660	166,0		
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	2.134	2.024	2.022	94,7	99,9	
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được, bao gồm:	triệu đồng						
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	-	-				
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	-	-				
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	-	-				
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	-	-				
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	- Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	- Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	- Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	-	-				
	- Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng	-	-				
	- Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	-	-				
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	15	-	14	93,3		
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	2	-				
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	2.202	-				
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	triệu đồng	3	-				
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	270	-				
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc	-	-				
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng	-	-				

STT	Nội dung	DVT	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	4	7=6/4	8=6/5	5
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng	3.272		6.043	184,7		
	Số cuối kỳ	triệu đồng	6.365		4.266	67,0		
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng	3.166.995		4.825.523	152,4		
	Số cuối kỳ	triệu đồng	4.825.523		4.268.149	88,4		
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Luợt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	Cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền và tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

